

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/HSST
Ngày 17/01/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Trúc Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Tấn Liêm

Ông Nguyễn Thanh Tùng

- Thư k Y phiên tòa: Ông Hồ Chí Thêm- Thư k Y Tòa án nhân dân huyện C.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Ông
Trịnh Tùng Kháng- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện C xét xử công khai
sơ thẩm vụ án hình sự thụ l Y số: 48/2021/HSST ngày 23 tháng 8 năm 2021 theo
Quyết định đưa vụ án hình sự ra xét xử số: 46/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 10 năm
2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Như Y - sinh năm 1987; Tên gọi khác: Không; Nơi đăng
k Y nhân khẩu thường trú: Ấp D, xã N, huyện Đ, tỉnh Cà Mau; Nơi cư trú: Ấp D,
xã N, huyện Đ, tỉnh Cà Mau; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 4/12; Dân
tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Con ông
Nguyễn Văn T (1950), con bà Nguyễn Kim Q (1950); Vợ Nguyễn Diễm T1(1988)
và 03 người con; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi
nơi cư trú kể từ ngày 02/6/2021 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Ông Hồ Công T2, sinh năm 1963 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Lê Thành T3, sinh năm 1973(Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp K, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Ông Nguyễn Văn T4, sinh năm 1950 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp D, xã N, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 06/3/2021, Nguyễn Như Y điều khiển vỏ máy đến nhà ông Nguyễn Văn Kh dự đám, đến chiều cùng ngày Lê Thuận T5 rủ Y đến nhà ông Châu Văn K nhậu chung. Sau khi nhậu xong khoảng 21 đến giờ 00 cùng ngày, Y điều khiển vỏ Composite hiệu Hữu Vui, máy xe hiệu Isuzu của gia đình Y chở T5 từ nhà của ông K đến bến phà Đ, cả hai đến phần đất của gia đình ông Hồ Công T2 ở gần bến phà thuộc ấp N, xã D, huyện C, tỉnh Cà Mau thì phát hiện thấy có vỏ, máy xe của ông T2 đang kéo đậu cặp mé sông Bảy Háp, giàn cầu máy gác trên vỏ, cả hai cùng thực hiện hành vi kéo vỏ, máy xuống sông lấy trộm 01 vỏ Compocite, hiệu Vạn Nam, mã số CM 24058, dài 11m7 màu xanh, lườn trắng và một đầu máy hiệu Isuzu 48CV của ông T2. Trộm xong Y và T lấy dây vỏ buộc vào dàn cầu lắp máy của Y rồi cùng điều khiển kè, vòng vỏ, máy trộm được về gần tới nhà của cha vợ của Y (ông Kh) thì máy hết dầu nên Y gửi giữ tại rạp vỏ, máy của ông Kh, do T và Y nói võ, máy của T nên ông Kh đồng Y cho gửi giữ. Đến ngày 08/3/2021 Y không liên lạc được với T nên Y dùng vỏ máy của gia đình dùng vỏ máy trộm của ông T4 về nhà neo đậu, cất giữ. Đến ngày 15/3/2021 Y đem vỏ máy của gia đình (dùng vào việc đi trộm) bán cho anh Lê Thành Trang với giá 25.000.000 đồng để chi xài cá nhân.

Đến ngày 18/3/2021, sợ bị phát hiện nên Y nói dối với cha ruột là ông Nguyễn Văn T4 lấy vỏ máy trộm được của ông T2 để đi biển nhưng đem gửi nhà người bạn tên Lê Văn D gần nhà Y định tìm nơi tiêu thụ. Quá trình cất giấu, gửi giữ Y nghe thông tin Công an đang truy tìm vỏ, máy nên Y nói thật cho cha ruột là ông Nguyễn Văn T4 biết về việc Y và T trộm vỏ, máy. Ngày 20/5/2021 ông T4 đưa Y đến Công an huyện Đ tự thú, khai nhận hành vi phạm tội và giao nộp tài sản mà Y lấy trộm là vỏ máy.

* Tại bản kết luận định giá tài sản số: 13/KL-HĐĐGTS ngày 24/5/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện C kết luận giá trị còn lại của tài sản bị xâm hại như sau:

- 01(Một) vỏ lái Composite hiệu Vạn Nam, màu xanh, lườn trắng; chiều dài 11,7m; chiều rộng:1,7m; số đăng ký 24058 mua năm 2014. Hội đồng thống nhất xác định giá trị còn lại tại thời điểm bị xâm hại: 20% x 17.000.000 đồng = 3.500.000 đồng.

- 01(Một) đầu máy xe hiệu ISUZU màu đen, mã số 01 ISUZU, giàn cầu bằng sắt công suất 48CV. Hội đồng thống nhất xác định giá trị còn lại tại thời điểm bị xâm hại là: $30\% \times 17.000.000 \text{ đồng} = 5.100.000 \text{ đồng}$.

Tổng cộng tài sản bị thiệt hại là 8.600.000 đồng.

Tại Cáo trạng số: 50/CT-VKS ngày 20 tháng 8 năm 2021, Viện Kiểm sát nhân dân huyện C đã truy tố bị cáo Nguyễn Như Y về tội “ *Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện C giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Như Y từ 09 tháng đến 01 năm tù. Phía bị hại đã nhận lại tài sản bị mất trộm và không có yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự nên không đặt ra xem xét. Đối với các tài sản bị cáo dùng vào việc phạm tội là tài sản của cha bị cáo là ông Nguyễn Văn T4 nên đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho ông T4 gồm 01(một) vỏ Composite hiệu Hữu Vui màu xanh, lưỡng trắng, dài 9,2m x rộng:1,7m; 01 (một) đầu máy xe hiệu Isuzu, giàn cầu bằng sắt; 01 (một) bình ắc quy hiệu Dong Nai. Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo về việc bị cáo đồng ý trả lại cho ông Lê Thành T3 số tiền là 25.000.000 đồng.

Trong lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo có trong hồ sơ vụ án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có Ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo đúng như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại

Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Vào khoảng 21 giờ 06 tháng 3 năm 2021 Nguyễn Như Y đã thực hiện hành vi lén lút trộm cắp tài sản của ông Hồ Công T2 ở ấp N, xã Đ, huyện C 01(một) vỏ lãi Composite hiệu Vạn Nam và 01(một) đầu máy xe hiệu Isuzu màu đen. Tổng trị giá là 8.600.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “ *Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Trước, trong và sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[3] Xét tính chất mức độ phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bởi lẽ bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác một cách trái pháp luật. Bị cáo đã phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của bị cáo không chỉ vi phạm pháp luật mà còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự xã hội tại địa phương; gây tâm lý lo âu cho người dân trong việc quản lý tài sản. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục cải tạo bị cáo thành người tốt và nhằm mục đích răn đe cho toàn xã hội.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội không thuộc trường hợp để áp dụng tình tiết tăng nặng theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Sau khi phạm tội, bị cáo đã tự thú, cha mẹ bị cáo là người có công với cách mạng. Bị hại có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C về mức hình phạt đối với bị cáo là cao nên Hội đồng xét xử cần điều chỉnh lại cho phù hợp, đối với đề nghị về vật chứng vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] *Về trách nhiệm dân sự*: Hiện ông Hồ Công T2 đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] *Vật chứng vụ án*: Đối với vỏ lãi Composite hiệu Vạn Nam, số đăng k Y 24058, màu xanh, lườn trắng chiều dài 11,7m; chiều rộng:1,7m và 01 (một) đầu máy xe hiệu Isuzu màu đen, mã số 01 Isuzu - 48CV, giàn cầu bằng sắt là tài sản

hợp pháp của ông Hồ Công T2. Hiện ông T2 đã nhận lại các tài sản này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với 01(một) vỏ Composite hiệu Hữu Vui màu xanh, lườn trắng, chiều dài 9,2m; chiều rộng:1,7m; 01 (một) đầu máy xe hiệu Isuzu, giàn cầu bằng sắt; 01 (một) bình Ấc quy hiệu Dong Nai. Bị cáo cho rằng đây là tài sản của cha bị cáo là ông Nguyễn Văn T4, khi bị cáo sử dụng vào việc phạm tội thì ông T4 không biết. Ông Nguyễn Văn T4 cho rằng đây là tài sản của ông, bị cáo sử dụng vào việc phạm tội thì ông không biết. Xét đây là tài sản của ông T4, đây là phương tiện sống duy nhất, ông T4 có hoàn cảnh gia đình khó khăn. Viện kiểm sát nhân dân huyện C cũng đề nghị trả lại các tài sản này cho ông T4, do đó Hội đồng xét xử trả lại cho ông T4 01(một) vỏ Composite hiệu Hữu Vui màu xanh; 01 (một) đầu máy xe hiệu Isuzu; 01 (một) bình ắc quy hiệu Dong Nai.

Đối với anh Lê Thành T3 khi mua vỏ máy do bị cáo Y bán với giá 25.000.000 đồng thì anh T3 không biết tài sản này bị cáo dùng vào việc phạm tội. Anh T3 yêu cầu bị cáo Y trả lại số tiền là 25.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo Y thừa nhận có bán vỏ máy cho anh T3 và nhận số tiền là 25.000.000 đồng, đã chi xài cá nhân. Hiện bị cáo Y đồng ý trả lại cho anh Trang số tiền là 25.000.000 đồng, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo về việc trả lại cho anh T3 số tiền là 25.000.000 đồng.

Đối với Lê Thuận T, sau khi sự việc xảy ra đã bỏ trốn khỏi địa phương, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã thông báo truy tìm, khi nào mời làm việc được sẽ xử lý sau nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] *Về án phí hình sự sơ thẩm*: Bị cáo phải chịu án phí số tiền là 200.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí số tiền là 25.000.000 đồng x 5% = 1.250.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 173; điểm i, r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Như Y phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Như Y 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Các Điều 584, 585 và 589 Bộ luật dân sự.

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Nguyễn Như Y: Buộc bị cáo Nguyễn Như Y có nghĩa vụ trả cho anh Lê Thành T3 số tiền là 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại cho ông Nguyễn Văn T4: 01(một) vỏ Composite hiệu Hữu Vui màu xanh, lườn trắng, dài 9,2m x rộng:1,7m cũ (đã qua sử dụng); 01 (một) đầu máy xe hiệu Isuzu, giàn cầu bằng thép cũ (đã qua sử dụng); 01 (một) bình ắc quy hiệu Dong Nai cũ (đã qua sử dụng). Hiện Chi cục thi hành án huyện C đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 24.8.2021.

Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Nguyễn Như Y phải chịu án phí số tiền là 200.000 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo và người tham gia tố tụng khác có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Lê Thành T3 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- Sở tư pháp tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện C;
- CAND huyện C;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: HS; THS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Trúc Hằng